

Bản án số: 20/2025/HNGĐ-ST

Ngày 29/9/2025

“V/v: Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – ĐẮK LẮK**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Minh Thuấn.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Đăng Huấn.

2. Ông Nguyễn Thanh Phong.

Thư ký phiên tòa: Ông Lương Công Hà, Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Giản Thị Chung, chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 125/2025/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2025 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm V, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Tổ A, ấp G, xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai (Nay là tổ A, ấp G, xã X, tỉnh Đồng Nai) - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Anh Phạm Trọng L, sinh năm 1990. Vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk) - Có đơn xin xét xử vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V trình bày:***

Chị và anh Phạm Trọng L kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do vợ, chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xảy ra cãi vã. Chị và anh L đã sống ly thân từ năm 2014 cho đến nay.

Về con chung: Chị và anh L không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Phạm Trọng L.

** Tại bản tự khai bị đơn anh Phạm Trọng L trình bày:*

Anh và chị Nguyễn Thị Cẩm V kết hôn năm 2012, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai trên cơ sở tự nguyện. Quá trình sống chung không hạnh phúc lý do hai vợ chồng không hợp nhau.

Về con chung: Anh và chị V không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Nay chị V yêu cầu Tòa án giải quyết xin ly hôn với anh thì anh đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về thẩm quyền, thủ tục tố tụng. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đầy đủ và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị V, Anh L chấp hành đúng quy định của pháp luật về quyền, nghĩa vụ của đương sự;

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm V.

Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Phạm Trọng L.

Về con chung: Chị V và anh L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn thị Cẩm V phải nộp án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị Cẩm V khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết về ly hôn với anh Phạm Trọng L đây là quan hệ pháp luật tranh chấp ly hôn.

Bị đơn anh Phạm Trọng L có nơi cư trú tại thôn T, xã E, huyện K, tỉnh Đắk Lắk (Nay là thôn T, xã D, tỉnh Đắk Lắk). Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng, tỉnh Đắk Lắk (Nay là Tòa án nhân dân Khu vực 10 – Đắk Lắk).

[2] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Phạm Trọng L đều có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Vì vậy, Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án xét xử vắng mặt chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Phạm Trọng L.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[3.1] *Về quan hệ hôn nhân:* Căn cứ vào giấy chứng nhận kết hôn ngày 16/4/2012 của Ủy ban nhân dân xã X, huyện X, tỉnh Đồng Nai thì có cơ sở xác

định, quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Phạm Trọng L là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình chung sống do tính tình của vợ chồng không hợp, bất đồng về quan điểm sống, Chị V có đơn xin ly hôn thì anh L đồng ý. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn giữa chị V và anh L hoàn toàn tự nguyện, có căn cứ, phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 55, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

[3.2] *Về con chung*: Chị V và anh L không có con chung nên HĐXX không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không có, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét giải quyết.

[3.4] *Về án phí*: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cẩm V phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 3 Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; Điều 55; Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm.

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyễn Thị Cẩm V.

- *Về quan hệ hôn nhân*: Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Cẩm V và anh Phạm Trọng L1.

- *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Cẩm V phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Năng (Nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 10) theo biên lai thu số AA/2023/0012145 ngày 13 tháng 5 năm 2025.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ.

unun

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND KV 10 – Đắk Lắk;
- Phòng THADS KV10 – Đắk Lắk;
- UBND xã Xuân Bắc;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Minh Thuận